

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HS-ST

Ngày 08 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Nhất

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 95/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/HSST-QĐ ngày 25/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Tuấn A**, sinh năm 1991; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT: tổ dân phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: số A, đường T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Y, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1992; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: số nhà X, đường D, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1999 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà X bên phà C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Phùng Thị T, sinh năm 1974 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà Z, đường D, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1999 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà Z bên phà C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

** Người làm chứng:* Ông Vũ Văn C, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà X, đường D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 30/3/2018, tại khu vực đầu ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; tổ công tác Công an phường H bắt quả tang hai đối tượng: Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1992 ở số nhà X, đường D, phường L, thành phố B và Đỗ Tuấn A, sinh năm 1991 ở tổ dân phố T, phường H, thành phố B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 02 túi ni lông màu trắng một đầu của mỗi túi ni lông đều có rãnh khóa bằng nhựa đường viền màu đỏ bên trong mỗi túi ni lông đều đựng 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ “WY” – nghi là ma túy tổng hợp dạng ngựa; 01 túi ni lông màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá.

- Thu giữ của Nguyễn Trung Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng đã qua sử dụng và 250.000 đồng.

- Thu giữ của Đỗ Tuấn A: 01 điện thoại Mobistar màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng, 100.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đen không mang biển kiểm soát.

Tổ công tác tiến hành niêm phong tại chỗ vật chứng nghi là ma túy vào 01 phong bì thư, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển vật chứng cùng tài liệu liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết.

Kết luận giám định số 416/KL-PC54 ngày 02/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên mỗi mặt của viên nén có chữ “WY” đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,1 gam.

- 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên mỗi mặt của viên nén có chữ “WY” đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu rãnh khóa nhựa bằng nhựa, viên màu đỏ là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,1 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng được hàn kín là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng là 0,216 gam.

Quá trình điều tra Đỗ Tuấn A và Nguyễn Trung Đ khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 30/3/2018, Đỗ Tuấn A đi bộ một mình đến nhà Nguyễn Trung Đ ở số nhà X, đường D, phường L, thành phố B để chơi. Đến nơi, Tuấn A gặp Đ và rủ Đ mỗi người góp 200.000 đồng để đi mua ma túy tổng hợp cùng sử dụng chung. Đ đồng ý và đưa cho Tuấn A số tiền 500.000 đồng. Tuấn A nhận tiền và trả lại cho Đ 200.000 đồng, còn số tiền 100.000 đồng Tuấn A hẹn khi nào lấy được ma túy sẽ trả nốt cho Đ. Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không mang biển kiểm soát của Lê Văn N sinh năm 1999 ở bến phà C, phường P, thành phố B là bạn của Đ đang ở nhà Đ chơi. Sau đó Tuấn A điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến khu vực ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B thì đỗ xe lại, Đ ngồi trên xe đợi ở ngoài còn Tuấn A đi bộ một mình vào một nhà ở cuối ngõ 85, đường D thì gặp một người phụ nữ tên T. Qua trao đổi hỏi mua được của người phụ nữ này 400.000 đồng tiền ma túy đá và ma túy ngạ. Tuấn A đưa cho Thom 500.000 đồng, T nhận tiền rồi trả lại cho Tuấn A 100.000 đồng tiền thừa và đưa cho Tuấn A 03 túi nilon đựng ma túy trong đó có 02 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi nilon đều đựng 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ là ma túy tổng hợp và 01 túi nilon màu trắng được hàn kín bên trong đựng

ma túy đá. Tuấn A cầm ma túy đi bộ ra chỗ Đ đứng và trả lại cho Đ 100.000 đồng, rồi lên xe chở Đ ra đầu ngõ thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang. Do sợ hãi nên Tuấn A đã thả số ma túy vừa mua được từ tay trái xuống đất cạnh chỗ Tuấn A và Đ đứng, lực lượng công an đã phát hiện và thu giữ gói ma túy trên.

Ngày 31/3/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Tuấn A, Phùng Thị T và ngày 01/4/2018 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Trung Đ, kết quả: Tạm giữ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung Đ.

Liên quan đến nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Tuấn A khai mua ma túy của một người phụ nữ tên Thơm ở ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh có người phụ nữ tên đầy đủ là Phùng Thị T, sinh năm 1974 ở số nhà 23, ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B và tiến hành lấy lời khai của Phùng Thị T nhưng Thơm không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Tuấn A. Cơ quan điều tra đã xác minh thu thập tài liệu chứng cứ nhưng chưa đủ chứng cứ để xác định Thơm có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tuấn A.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không mang biển kiểm soát, Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1999 ở số nhà 216, bến phà C, phường P, thành phố B. Ngày 30/3/2018, anh Lê Văn N là chồng của chị A mượn của chị A chiếc xe mô tô trên đi đến nhà Nguyễn Trung Đ chơi. Sau đó, Nguyễn Trung Đ mượn chiếc xe này của Lê Văn Đ và chỉ nói là đi có việc nên Lê Văn Đ không biết Nguyễn Trung Đ đi mua ma túy. Ngày 26/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Hồng A.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Trung Đ; 350.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng được nhập kho vật chứng để xử lý.

Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Đỗ Tuấn A, Nguyễn Trung Đ về tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”** theo điểm c khoản 1 Điều 249 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Đỗ Tuấn A, Nguyễn Trung Đ khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B nêu và trình bày: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình ngày 30/3/2018 là sai, vi phạm pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Hồng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 15/01/2018, chị có mua trả góp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α đăng ký biển số 98B3-141.92 nhưng chị chưa kịp ép biển đề gắn vào xe. Đầu giờ chiều ngày 30/3/2018, chồng chị là Lê Văn Đ có mượn chiếc xe này để đi chơi. Sau đó chị thấy anh Đ bảo đã cho bạn mượn xe và đang bị tạm giữ tại Công an thành phố B. Hiện nay chị đã nhận lại chiếc xe mô tô trên và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phùng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 30/3/2018, chị đưa con đi khám bệnh của một thầy lang ở khu vực huyện Lục Ngạn đến chiều tối mới về, khi đi gia đình chị khóa cổng, không có ai ở nhà. Chị khẳng định ngày 30/3/2018, chị không bán ma túy cho ai và không biết ai tên là Đỗ Tuấn A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Khoảng 13 giờ ngày 30/3/2018, anh mượn xe mô tô của vợ là Nguyễn Thị Hồng A (xe mới mua chưa gắn biển số xe) đi đến nhà bạn tên là Đ ở gần nhà hàng Rùa Vàng với mục đích để sắm. Đến nơi anh gặp Đ, Tuấn A cũng đang ở đó. Anh trao đổi bảo Đ sắm cho anh, anh đưa cho Đ số tiền 500.000 đồng. Sau đó Đ có hỏi mượn của anh chiếc xe mô tô trên. Anh đưa chìa khóa xe cho Đ, anh thấy Đ đi xe ra khỏi nhà và sau đó không thấy mang xe về trả anh. Anh được thông báo là Đ bị công an bắt về tội ma túy. Chiếc xe mô tô trên hiện nay cơ quan công an đã trả lại cho vợ anh là chị A nên anh không có ý kiến gì. Số tiền 500.000 đồng anh trả công cho Đ để sắm cho anh, anh không yêu cầu Đ phải hoàn trả.

Người làm chứng là ông Vũ Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/3/2018, ông có chứng kiến việc Công an phường H bắt quả tang Đỗ Tuấn A và Nguyễn Trung Đ có hành

vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B. Cơ quan công an đã lập biên bản, niêm phong vật chứng là ma túy và đưa hai thanh niên trên cùng ông về trụ sở làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố các bị cáo Đỗ Tuấn A, Nguyễn Trung Đ phạm tội ***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”***

2, Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 - Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Tuấn A từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2018.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 - Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Trung Đ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung Đ.

- Trả lại bị cáo Đỗ Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng có số imei là: 359250222477596 đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen có số imei là: 357328089518397 đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Trung Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng có số imei 1 là: 864655039387259, số imei 2 là: 864655039387242 đã qua sử dụng và số tiền 250.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 30/3/2018, tại khu vực đầu ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B, tổ công tác Công an phường H - thành phố B tiến hành kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1992 ở số nhà X, đường D, phường L, thành phố B và Đỗ Tuấn A, sinh năm 1991 ở tổ dân phố T, phường H, thành phố B có hành vi tàng trữ trái phép 0,416 gam chất ma túy Methamphetamine với mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 – Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo điểm, khoản và điều luật như là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Việc tàng trữ các chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác và là con đường lây lan nhiều loại bệnh xã hội. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3.2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Hai bị cáo cùng thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng tuy nhiên trước đó các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công rõ ràng nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Tuấn A là người khởi xướng việc mua ma túy, là người trực tiếp gom tiền và giao dịch mua ma túy; bị cáo Nguyễn Trung Đ khi được Tuấn A rủ đã đồng ý góp tiền và mượn xe để Tuấn A chở đi mua ma túy nên bị cáo Tuấn A giữ vai trò cao hơn bị cáo Đ. Cần có mức hình phạt tương xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án.

[3.3] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trước cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[3.5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện; căn cứ nhân thân và tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục bị cáo thành người công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3.7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 - Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là cần thiết để tăng tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, đã được chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú xác nhận không có điều kiện thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để các bị cáo yên tâm cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về vật chứng của vụ án:

[4.1] 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định bên trong chứa chất Methamphetamine là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 – Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[4.2] 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung Đ là tài sản không có giá trị cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 – Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[4.3] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng có số imei là: 359250222477596 đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen có số imei là: 357328089518397 đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng là tài sản của bị cáo Đỗ Tuấn A không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 47 – Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[4.4] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng có số imei 1 là: 864655039387259, số imei 2 là: 864655039387242 đã qua sử dụng và số tiền 250.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Trung Đ không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 47 – Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[5] Các vấn đề khác:

[5.1] Đối với người phụ nữ mà bị cáo Tuấn A khai là đã bán ma túy cho Tuấn A: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh có người phụ nữ tên đầy đủ là Phùng Thị T, sinh năm 1974 ở số nhà 23, ngõ 85, đường D, phường H, thành phố B và tiến hành lấy lời khai của Phùng Thị T nhưng Thom không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Tuấn A. Cơ quan điều tra đã xác minh thu thập tài liệu chứng cứ nhưng chưa đủ chứng cứ để xác định Thom có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tuấn A nên không xem xét, xử lý là phù hợp.

[5.2] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không mang biển kiểm soát, Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1999 ở số nhà 216, bến phà C, phường P, thành phố

B. Ngày 30/3/2018, anh Lê Văn N là chồng của chị A mượn của chị A chiếc xe mô tô trên đi đến nhà Nguyễn Trung Đ chơi. Sau đó, Nguyễn Trung Đ mượn chiếc xe này của Lê Văn Đ và chỉ nói là đi có việc nên Lê Văn Đ không biết Nguyễn Trung Đ đi mua ma túy. Ngày 26/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Hồng A là phù hợp.

[5.3] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1, Tuyên bố các bị cáo Đỗ Tuấn A, Nguyễn Trung Đ phạm tội ***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”***.

2, Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Tuấn A **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2018.

- Bị cáo Nguyễn Trung Đ **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2018.

3, Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 - Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Trung Đ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung Đ;

- Trả lại bị cáo Đỗ Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng có số imei là: 359250222477596 đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen có số imei là: 357328089518397 đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Trung Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng có số imei 1 là: 864655039387259, số imei 2 là: 864655039387242 đã qua sử dụng và số tiền 250.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 89/QĐ-VKS ngày 27/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2018).

4, Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trung Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Vân Anh

